

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2017
V/v ly hôn giữa chị L và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sua

Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về: ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 4, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1965; cư trú tại: Tổ 4, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị L có mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N chung sống từ năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND phường III, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Anh N có tính trai gái từ khi kết hôn, chị đã chịu đựng để chung sống cùng lo cho các con nhưng anh N không thay đổi mà còn ham chơi cờ bạc, cá độ bóng đá. Chị nhiều lần khuyên anh thay đổi nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 nhưng vẫn còn qua lại với nhau. Đến giữa năm 2016 thì không còn liên hệ gì nữa.

Về con chung: Có 02 con chung:

1. Lê Thị Kim T, sinh năm 1990
2. Lê Hoàng Th, sinh ngày 31/5/1999

Các con đã trưởng thành, chị L không có yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Tại bản ý kiến ngày 20/7/2017 anh Lê Văn N trình bày:

Anh và chị L kết hôn năm 1989, cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng chị L đã có ý định từ trước nên sau khi vợ chồng chia tài sản chung đã nộp đơn ly hôn. Ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh N; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh N không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị L Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường III, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào năm 1989 nên hôn nhân giữa chị L và anh Ng là hợp pháp.

Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ nhiều năm do anh N ham chơi cờ bạc, không chung thủy. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến giữa năm 2016 thì không còn liên lạc nữa cho đến nay. Ngày 20/7/2017 anh N có bản tự khai tại Tòa án trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn. Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh N không đến Tòa án xem như anh N không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị L.

Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: các con đã trưởng thành, chị L không yêu cầu việc nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị L xác định vợ chồng không nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Kim L [REDACTED] đối với anh Lê Văn N [REDACTED]

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn N.

Về nuôi con chung: các con đã trưởng thành, chị L không yêu cầu việc nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị trình bày nợ chung không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Kim L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018055 ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình